

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 175/TTr-STC ngày 05 tháng 4 năm 2026; Công văn số 4015/STC-QLĐTC ngày 01 tháng 7 năm 2026 và Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo 423/BC-STP ngày 06 tháng 7 năm 2026.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 7 năm 2026 và thay thế Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đặt tại địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đinh Hữu Học

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

(Kèm theo Quyết định số: 47 /2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy chế này quy định về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp tại Việt Nam trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ nhân đạo, không vì mục đích lợi nhuận, thương mại.

b) Những nội dung không được quy định tại Quy chế này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam (*sau đây gọi tắt là Nghị định số 313/2025/NĐ-CP*) và các quy định của pháp luật hiện hành.

Các trường hợp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 Quy chế này.

b) Bên cung cấp viện trợ trong Quy chế này là các tổ chức, cá nhân nước ngoài được quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

c) Bên tiếp nhận viện trợ trong Quy chế này là cơ quan, tổ chức hoạt động trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn được quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Nguyên tắc trong quản lý và sử dụng viện trợ

1. Việc quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp tại Việt Nam trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn bảo đảm tuân thủ

nguyên tắc trong quản lý và sử dụng viện trợ theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về viện trợ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn trên cơ sở công khai, minh bạch, có phân công, phân cấp, gắn quyền hạn với trách nhiệm, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ và phát huy tính chủ động của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các tổ chức và các đơn vị thực hiện.

3. Việc tiếp nhận và sử dụng viện trợ phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và bảo đảm hiệu quả, tránh trùng lặp, chồng chéo với các chương trình, dự án khác. Không tiếp nhận các khoản viện trợ gây ảnh hưởng đến an ninh, quốc phòng, chính trị và trật tự an toàn xã hội, xâm hại đến lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Điều 3. Hành vi bị cấm trong sử dụng viện trợ

Các hành vi bị cấm trong sử dụng viện trợ theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Chương II LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT KHOẢN VIỆN TRỢ

Điều 4. Lập hồ sơ khoản viện trợ

1. Chủ khoản viện trợ phối hợp với bên cung cấp viện trợ, các cá nhân, tổ chức có liên quan lập hồ sơ khoản viện trợ theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (đồng gửi Sở Tài chính).

2. Văn kiện dự án, phi dự án lập theo mẫu tại Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Điều 5. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Tài chính.

2. Cơ quan chủ trì thẩm định: Sở Tài chính.

3. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Trình tự, thủ tục thẩm định, nội dung thẩm định khoản viện trợ thực hiện theo quy định tại các khoản 4, 5, 6 Điều 10 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

b) Căn cứ kết quả thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt văn kiện dự án, phi dự án. Trường hợp khoản viện trợ không đủ điều kiện tiếp nhận, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và gửi thông báo tới Chủ khoản viện trợ. Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo cho Bên cung cấp viện trợ về quyết định không tiếp nhận viện trợ. Nội dung Quyết định phê duyệt khoản viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Chương III

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VIỆN TRỢ

Điều 6. Quản lý thực hiện viện trợ

1. Căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể thực hiện dự án, năng lực tổ chức quản lý dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định áp dụng một trong các hình thức tổ chức quản lý, dự án theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

2. Chủ khoản viện trợ được xác định theo khoản 4 Điều 3 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP và có nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

3. Trường hợp thành lập Ban quản lý dự án đại diện cho chủ khoản viện trợ, Ban quản lý dự án thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung dự án, phi dự án thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

5. Đối với dự án viện trợ có nội dung đầu tư công, đầu tư xây dựng phải được thực hiện quản lý theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư xây dựng và các quy định khác có liên quan.

6. Bán hàng hóa thuộc khoản viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

7. Trường hợp xảy ra tranh chấp trong quá trình thực hiện, việc giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Điều 7. Quản lý tài chính viện trợ

1. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với vốn viện trợ: thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

2. Mở tài khoản thanh toán cho dự án sử dụng vốn viện trợ: Chủ khoản viện trợ thực hiện mở tài khoản cho dự án theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

3. Lập kế hoạch tài chính vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

4. Giải ngân, hạch toán và ghi thu, ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại bằng tiền:

a) Đối với vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 23 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

b) Đối với vốn viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 23 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

5. Vốn đối ứng chuẩn bị thực hiện và thực hiện khoản viện trợ:

a) Thực hiện đầy đủ theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

b) Đối với dự án, phi dự án được cấp phát toàn bộ từ ngân sách nhà nước: Chủ khoản viện trợ đề xuất Sở Tài chính; Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân

dân tỉnh cân đối vốn đối ứng trong dự toán ngân sách hằng năm theo phân cấp quản lý ngân sách và từ các nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật và phân định rõ theo nguồn vốn đầu tư phát triển, chi thường xuyên tương ứng với nội dung chi tiêu của dự án, phi dự án; bảo đảm bố trí vốn đối ứng đầy đủ, kịp thời, phù hợp với tiến độ quy định trong Văn kiện dự án, phi dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

c) Đối với dự án, phi dự án thuộc diện cấp phát từ ngân sách nhà nước có thời điểm phê duyệt không trùng với kỳ lập dự toán ngân sách hằng năm, chưa được bố trí vốn đối ứng:

Chủ khoản viện trợ có văn bản đề xuất Sở Tài chính; Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối trong tổng vốn đã được phân bổ. Trong trường hợp không tự cân đối được, Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản gửi Bộ Tài chính yêu cầu xem xét trình cấp có thẩm quyền quyết định việc tạm ứng vốn và sau đó khấu trừ vào kế hoạch năm tiếp theo hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bổ sung vào dự toán ngân sách hằng năm.

6. Vốn chuẩn bị khoản viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP, cụ thể:

a) Đối với khoản viện trợ mà chủ khoản viện trợ là cơ quan, đơn vị được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoặc một phần kinh phí hoạt động:

Chủ khoản viện trợ lập kế hoạch vốn chuẩn bị vận động khoản viện trợ gửi Sở Tài chính thẩm định báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp vào kế hoạch ngân sách chung hằng năm hoặc bổ sung theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Đối với các khoản viện trợ không thuộc nguồn thu của ngân sách nhà nước (trung ương và địa phương): Chủ khoản viện trợ tự cân đối và bố trí vốn chuẩn bị khoản viện trợ.

c) Trường hợp Bên cung cấp viện trợ cung cấp hỗ trợ tài chính để chuẩn bị dự án, phi dự án: Chủ khoản viện trợ đưa nguồn vốn chuẩn bị vào tổng vốn chung của khoản viện trợ.

7. Tiếp nhận vốn viện trợ bằng hàng hóa, thuế đối với các khoản viện trợ, kiểm toán các khoản viện trợ được thực hiện theo quy định tại Điều 24, Điều 26 và Điều 27 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

8. Quản lý tài sản viện trợ đối với tài sản của khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 24 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP và quy định của pháp luật về quản lý tài sản công.

Đối với tài sản của khoản viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Điều 8. Chế độ báo cáo tình hình tiếp nhận, quản lý, sử dụng viện trợ

1. Báo cáo kết thúc dự án: Ban Quản lý dự án (được Chủ khoản viện trợ thành lập theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 14 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP): Báo

cáo kết thúc dự án (thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 15 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP) gửi cho Chủ dự án và Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất không quá 06 tháng sau khi kết thúc thực hiện.

2. Báo cáo kết thúc khoản viện trợ:

a) Ban Quản lý dự án: Báo cáo kết thúc khoản viện trợ (thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 15 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP) gửi cho Chủ dự án và Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất không quá 06 tháng sau khi kết thúc thực hiện.

b) Chủ khoản viện trợ:

- Báo cáo kết thúc khoản viện trợ (thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP) gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất không quá 06 tháng sau khi kết thúc thực hiện đồng gửi Sở Tài chính và Sở Ngoại vụ để theo dõi, tổng hợp.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lập Báo cáo kết thúc khoản viện trợ (thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 13 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP) gửi về Bộ Tài chính trong vòng 06 tháng sau khi kết thúc khoản viện trợ.

3. Báo cáo định kỳ:

a) Chủ khoản viện trợ: Báo cáo về tình hình tiếp nhận viện trợ, tình hình thực hiện, giải ngân khoản viện trợ gửi Sở Tài chính để tổng hợp theo định kỳ (06 tháng, hằng năm) theo quy định tại khoản 4 Điều 14, khoản 5 Điều 15, khoản 8 Điều 13 và khoản 10 Điều 33 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP, cụ thể:

- Thời gian gửi báo cáo định kỳ 06 tháng chậm nhất vào ngày 10/7, thời điểm chốt số liệu là ngày 30/6.

- Thời gian gửi báo cáo định kỳ hằng năm chậm nhất ngày 15/01 của năm tiếp sau, thời điểm chốt số liệu là ngày 15/12 của năm báo cáo.

b) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường theo chức năng quản lý nhà nước thực hiện chế độ báo cáo về tình hình tiếp nhận viện trợ, tình hình thực hiện, giải ngân khoản viện trợ gửi về Sở Tài chính để tổng hợp theo định kỳ:

- Thời gian gửi báo cáo định kỳ 06 tháng chậm nhất vào ngày 10/7, thời điểm chốt số liệu là ngày 30/6.

- Thời gian gửi báo cáo định kỳ hằng năm chậm nhất ngày 15/01 của năm tiếp sau, thời điểm chốt số liệu là ngày 15/12 của năm báo cáo.

c) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tổng hợp, xây dựng Báo cáo định kỳ hằng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả vận động viện trợ, tình hình tiếp nhận viện trợ, thực hiện, giải ngân, giám sát, đánh giá các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước; khoản 8 Điều 13 và khoản 10 Điều 33 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP và quy định hiện hành, cụ thể:

- Thời gian gửi báo cáo định kỳ 06 tháng chậm nhất ngày 31/7, thời điểm chốt số liệu là ngày 30/6.

- Thời gian gửi báo cáo định kỳ hằng năm chậm nhất ngày 01/02 năm tiếp sau, thời điểm chốt số liệu ngày 15/12 của năm báo cáo.

4. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tổng hợp, xây dựng Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả vận động viện trợ, tình hình tiếp nhận viện trợ, thực hiện, giải ngân, giám sát, đánh giá các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền quản lý khi có yêu cầu báo cáo đột xuất của Bộ Tài chính.

5. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo định kỳ hằng năm về tình hình quản lý và sử dụng viện trợ của các tổ chức thuộc đối tượng điều chỉnh của pháp luật Việt Nam về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, báo cáo Bộ Nội vụ, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

6. Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng năm tổng hợp về kết quả vận động viện trợ thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định. Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Ngoại giao, Ủy ban công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và cơ quan, tổ chức có liên quan theo định kỳ hoặc đột xuất theo quy định.

Điều 9. Về kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý, sử dụng viện trợ

1. Ban Quản lý dự án chịu trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP: Xây dựng kế hoạch chi tiết giám sát, đánh giá việc thực hiện dự án.

2. Chủ khoản viện trợ chịu trách nhiệm thực hiện quy định tại điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 14 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP:

a) Giám sát việc thực hiện các hợp đồng và xử lý vướng mắc phát sinh theo thẩm quyền.

b) Thực hiện giám sát và đánh giá dự án.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ và cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh (Ban Công tác phi chính phủ nước ngoài tỉnh) tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện dự án, việc chấp hành các quy định hiện hành về quản lý dự án theo quy định tại khoản 7 Điều 13 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP; xử lý các vấn đề liên quan thuộc thẩm quyền và kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh (Ban Công tác phi chính phủ nước ngoài tỉnh) xem xét, quyết định, giải quyết những vấn đề vượt thẩm quyền.

4. Sở Nội vụ tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ của các tổ chức hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện theo thẩm quyền quản lý nhà nước của Sở Nội vụ.

5. Công an tỉnh phối hợp thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận và sử dụng viện trợ bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.

6. Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường và cơ quan liên quan khác tham gia thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng các khoản viện trợ có nội dung liên quan đến lĩnh vực phụ trách theo chức năng quản lý nhà nước, theo quy định hiện hành; kịp

thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Công an tỉnh khi phát hiện những dấu hiệu, hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân trong quá trình tiếp nhận và sử dụng viện trợ.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan

1. Sở Tài chính:

a) Là cơ quan đầu mối về quản lý, sử dụng, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý tài chính các khoản viện trợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này.

b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan thẩm định văn kiện dự án, phi dự án trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Hướng dẫn thủ tục trình tiếp nhận các khoản viện trợ thuộc phạm vi điều chỉnh theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

c) Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối bố trí vốn đối ứng trong kế hoạch ngân sách Nhà nước hằng năm cho các đơn vị thuộc đối tượng được cấp ngân sách để thực hiện các khoản viện trợ không hoàn lại đã cam kết với bên tài trợ theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định có liên quan.

d) Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách, giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng các khoản viện trợ.

đ) Thực hiện quản lý thu, chi ngân sách nhà nước đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quản lý tài chính theo quy định tại Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

2. Công an tỉnh:

a) Hướng dẫn và hỗ trợ cơ quan, tổ chức thực hiện đúng quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

b) Chủ trì thẩm định theo thẩm quyền và góp ý kiến với cơ quan chủ quản về các khoản viện trợ theo quy định.

c) Tiến hành các nhiệm vụ theo thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan tới việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

d) Tiến hành rà soát, xác minh, xét duyệt nhân sự đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia thực hiện, quản lý, giám sát dự án viện trợ, quản lý hoạt động xuất nhập cảnh, cư trú và các hoạt động khác của tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh bảo đảm đúng khuôn khổ dự án.

3. Kho bạc Nhà nước khu vực VI:

a) Mở và quản lý tài khoản tại Kho bạc Nhà nước cho các khoản viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

b) Tổ chức việc xác nhận, thanh toán, hạch toán và ghi thu ghi chi cho dự án từ nguồn vốn viện trợ không hoàn lại theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

c) Phối hợp với cơ quan tài chính và cơ quan liên quan trong việc đối chiếu số liệu, tổng hợp, báo cáo, quyết toán các khoản viện trợ không hoàn lại theo quy định.

4. Sở Ngoại vụ:

a) Là cơ quan thường trực Ban Công tác phi chính phủ nước ngoài tỉnh, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài; hướng dẫn, quản lý các tổ chức phi chính phủ nước ngoài hoạt động trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp với Sở Tài chính, cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ khoản viện trợ; thẩm định tư cách pháp nhân của Bên cung cấp viện trợ là các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và phối hợp thẩm định năng lực của các nhà tài trợ khác theo quy định. Phối hợp với Sở Tài chính trong công tác hướng dẫn thủ tục trình tiếp nhận các khoản viện trợ không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức.

c) Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác vận động viện trợ.

5. Sở Nội vụ tham gia thẩm định và góp ý kiến đối với việc tiếp nhận các khoản viện trợ có nội dung liên quan theo quy định của Quy chế này.

6. Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường và cơ quan liên quan khác:

a) Thực hiện tiếp nhận, triển khai và quản lý, sử dụng các khoản viện trợ theo quy định. Không để xảy ra trường hợp tiếp nhận khoản viện trợ chưa được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Đối với các khoản viện trợ được cơ quan Trung ương tiếp nhận theo thẩm quyền, phân bổ về địa phương cần kịp thời báo cáo, xin ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi phối hợp thực hiện.

b) Tham gia thẩm định và đóng góp ý kiến đối với các khoản viện trợ có nội dung liên quan đến lĩnh vực phụ trách.

c) Hướng dẫn đôn đốc các đơn vị trực thuộc tiếp nhận, triển khai thực hiện và quản lý, sử dụng các khoản viện trợ theo quy định.

d) Ủy ban nhân dân các xã, phường: tạo điều kiện về mặt bằng (nếu có) để thực hiện các dự án, phi dự án theo nội dung văn kiện đã ký kết. Giao phòng chuyên môn có chức năng tham mưu, quản lý tài chính ngân sách làm đầu mối trong quản lý, sử dụng các khoản viện trợ trên địa bàn.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và

lĩnh vực quản lý có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hay thay thế bằng các văn bản mới thì các nội dung được dẫn chiếu áp dụng theo các văn bản mới đó.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần thiết phải sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế; cơ quan, đơn vị, tổ chức phản ánh bằng văn bản gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh bổ sung cho phù hợp.

Điều 12. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các khoản viện trợ đã trình Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt trước ngày Quyết định ban hành Quy chế này có hiệu lực thì thực hiện việc lấy ý kiến, thẩm định hồ sơ khoản viện trợ và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Quy chế này.

2. Các khoản viện trợ đã được phê duyệt trước ngày Nghị định số 313/2025/NĐ-CP có hiệu lực thì thực hiện xử lý chuyển tiếp theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 35 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP và quy định hiện hành./.